

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 1 (PHẦN CUỐI)

Luận: Nay tạo luận này, dưới có ba đoạn văn. Tây Minh nói: Như lần lượt An Tuệ, Nan-đà, Hộ Pháp, có đồng Bản số. Yếu Tập ghi: “Hai bộ không đồng là do thừa bả khác nhau, nhưng luận kia đều có đồng lời, ý hoặc không trái nhau.

Nay cho rằng Tây Minh nếu nói chỉ có An Tuệ v.v... như lần lượt phối hợp, nhất định là không đúng. Mười luận sư đều giải thích bản tụng, đâu phải bảy luận sư khác không nói bản sư tạo ra ý luận. Luận chủ của Bản số là người kết tập văn luận, nên nhất định nói đúng, đã không nói chỉ không trái với Bản số, đồng nói nhất định là đúng, đâu cần phải nói hoặc.

Nói có mê lầm là Bản số có hai giải thích: một là đứng về nhân, hai là đứng về pháp. Nhân tức là căn cứ theo có thể mê lầm mà nói, khởi si, tà kiến, nhiếp thuộc về người. Theo pháp là căn cứ theo vô minh không hiểu rõ gọi là mê, tà kiến không hiểu đúng, gọi là lầm. Căn cứ theo hoặc chia làm hai, nhưng chung là pháp, đều căn cứ theo hay mê mà nói.

Tây Minh nói:

Hỏi: Hai không tức là ngã pháp cả hai không có, vì sao nói không làm chỗ nương của mê ngộ?

Giải thích rằng: Ai nói lời không làm cảnh của mê ngộ? Đây nói lý tánh mà hai Không hiển bày là cảnh của mê ngộ, điều này chưa hẳn như vậy, vì sao? Đối với không chấp có, vì sao chẳng phải cảnh của mê? Đạt được Không này, thì không có gì có thể chẳng phải là cảnh của ngộ. Nếu chẳng phải là cảnh, trái với Thức thứ tám sau nói, người ngu phạm phu chấp có bậc Thánh đạt được vô, cũng có thể nói là cảnh trí của phạm thánh. Lại quyển 10 ở sau ghi: “Ngoài ra tuy cũng được làm chỗ

nướng của mê ngộ, mà chẳng phải căn bản, nên đây không nói, chẳng cho rằng hoàn toàn trái”. Nay hiểu rõ đây căn cứ theo cảnh căn bản của mê nên nói Chân như, do phải chứng được Chân như mới rõ được thế tục, gia hạnh duyên theo Không, không đoạn được Hoặc, nên nói nếu chứng được hai Không thì chướng kia tùy theo đó đoạn. Căn cứ theo thật của hai Không và tánh của hai Không đều là cảnh của mê ngộ.

Hỏi: Nếu chứng được hai Không, chướng kia tùy theo đó đoạn, trong Bản sở giải thích đồng theo luận sư khác. Ở đây đoạn văn đầu, không phải chỉ An Tuệ, nên cùng nói chung. Nếu căn cứ theo An Tuệ, trong Xu Yếu có ba cách giải thích, cách thứ ba nói rằng, trong sở tri chướng chủng tử, tập khí là trọng, hiện hành gọi là khinh, do chướng chủng tử, tập khí còn lại hiện hành được sinh, nếu đoạn được chủng tử, tập khí, hiện hành vĩnh viễn đoạn. Yếu Tập ghi: “Chấp chướng có hiện hành chủng tử, vì sao tập khí, chủng tử gọi là chấp, hiện hành gọi là chướng khác”, ít trái với văn này, ý này chấp chướng đều có chủng tử hiện hành, không phải chấp chủng tử, tập khí chỉ được tên chấp, hiện hành không gọi là chấp nhưng gọi là chướng khác. Nay cho rằng không lỗi, không nói hiện hành, không phải gọi là chấp, nhưng là chủng tử, tập khí nặng chấp nó. Còn lại gọi là chướng khác do hiện hành nhẹ mà dễ phục trừ, có lúc không hiện hành. Nếu luận về chủng tử, không ngăn ngại hiện hành, nếu đoạn được chủng tử, hiện hành nhất định không có, nên hiện hành nhẹ gọi là chướng khác. Do có chủng tử nên hai chướng sinh đầy đủ, văn rất phù hợp nhau, trái nhau chỗ nào?

Tây Minh giải thích rằng: “An Tuệ phiên nào chấp hẹp chướng rộng”. Thể của sở tri chướng tức là cùng với pháp chấp, thể không phải rộng hẹp, nay căn cứ theo phiên nào khác nói nên không phải trái nhau. Yếu Tập ghi: “Thuận theo văn nghĩa thì giải thích có là đúng”, ý này do phiên nào chướng riêng đầu mỗi tham v.v... lúc ngã chấp đoạn nó cũng đoạn theo, rằng chướng kia đoạn theo nên thuận theo văn nghĩa. Nay cho rằng không như vậy, trước nói do ngã chấp pháp chấp, hai chướng sinh đầy đủ, nếu chứng được hai Không, chướng kia đoạn theo, nếu chỉ có phiên nào, vì sao cần phải nói hai chướng sinh đầy đủ? Nếu chứng được hai Không, chướng kia đoạn theo, tức là nên nói rằng, nếu chứng được Sinh không, chướng kia đoạn theo. Lại sở tri chướng, chướng chấp tương tự, vì sao cần phải nói hai trọng? Một chướng có trọng, nay lại giúp giải thích An Tuệ có chướng không phải chấp, như luận Phật Địa, chướng đã đắc quả cũng gọi là chướng, tức là sở chướng đã khởi ba nghiệp, đều đã đắc quả và kiến phần, tướng phần, tuy sở chấp này cũng gọi là đoạn

theo, như đối với Biến kế mà nói nghĩa của đoạn.

Lại thể của chương, luận Phật Địa cho rằng thể của phiền não chương, một là Căn bản phiền não, và tùy phiền não; hai là đã phát nghiệp; ba là đã đắc quả; như luận này lấy một trăm hai mươi tám căn bản phiền não và tùy phiền não làm thể tánh.

Tây Minh nói: Như hai luận này chương của thể không đồng. Ngài Hộ Pháp thành tựu chánh chương, nói căn bản, Đăng lưu lấy làm thể của chương, ngài Thân Quang đồng căn cứ theo chương và quyền thuộc, nên chương, nghiệp quả làm thể tánh của chương. Nếu chuẩn theo cách giải thích này, cũng chưa hết lý. Ngài Hộ Pháp ban đầu nêu ra thể của chương, vả lại căn cứ theo lời thù thắng, chẳng phải không nhận lấy nghiệp và quả, vì không nói riêng. Lại phần sau nói rõ mười chương, nói đoạn được nẻo ác tạp nhiễm ngu, nói rằng nên biết phẩm ngu tổng nói là ngu, phẩm minh tri chương cũng nói là chương. Lại đây căn cứ theo tự tánh đoạn, chỉ nói căn bản và tùy phiền não. Luận Phật Địa v.v... căn cứ theo ba loại đoạn, nếu đã phát nghiệp đều đã đắc quả, nên không phải trái nhau. Nếu căn bản, tùy hoặc gọi là tự tánh đoạn, nếu đã phát nghiệp gọi là tương ứng đoạn, căn cứ theo nghiệp bất thiện mà nói như vậy. Nếu nghiệp thiện cũng duyên trói buộc đoạn, nếu đã đắc quả gọi là lìa trói buộc đoạn, do tự tánh đoạn, tương ứng đoạn, hiển bày Hữu dư Niết-bàn, do duyên trói buộc đoạn và bất sinh, nên hiển bày Vô dư Niết-bàn.

Hỏi: Nếu chương kia đoạn theo, phải đợi chấp trừ kia chẳng chấp chương tùy theo nó nói đoạn, có thể không như vậy, nếu không như vậy, liền trái với văn của luận. Nếu nói lời như vậy, tức là có hai vấn hỏi.

Thứ nhất hỏi: Như hàng Nhị thừa lúc dần dần đoạn được chín phẩm hoặc tu đạo, tám phẩm đạo trước đoạn được mê sự hoặc, phẩm đạo thứ chín đoạn được mê lý hoặc, chuẩn theo đây tức là chẳng chấp trừ trước, là chấp trừ sau. Vì sao có thể nói do ngã pháp, sinh chương kia đoạn theo v.v..., ngã chấp đoạn thì hoặc mới trừ, có thể nói chương cuối nương theo chấp sinh, chấp chưa đoạn thì hoặc đã trừ, đây sẽ không do chấp khởi.

Thứ hai hỏi: Hàng Đại thừa Bồ-tát, trong Địa thứ tư mới đoạn được thân kiến, biên kiến, cho đến Địa thứ năm mới đoạn được hại bạn, nếu hại bạn bốn Địa đoạn, các chương tùy theo chấp sinh, hại bạn năm Địa trừ. Vì sao tùy theo chấp đoạn?

Đáp rằng: Nếu chứng được hai Không, chương kia đoạn theo, căn cứ theo kiến đạo và cứu cánh mà nói, nó chẳng phải kiến đạo, v.v... nên

không phải trái nhau.

Chứng chân giải thoát là Thanh văn, Bồ-tát mỗi mỗi lựa riêng. Vả lại, lựa ra Thanh văn là đầy đủ ba việc, gọi là Đại-bát. Nay người của Nhị thừa không thể chứng được lý thể của Chân như kia, nhưng có thể ngộ được lý thể của Chân như này, trên lìa được phiền não chướng nhiễm che đậy nghĩa một bên gọi là giải thoát, do người của Nhị thừa không thể chứng ngộ được chân lý của Pháp không, chỉ có thể ngộ được một phần của Sinh không, tuy đắc được sinh Không, lại không biết được thân chứng, chỉ gọi là giải thoát chẳng phải chân giải thoát.

Lựa ra Bồ-tát là Bồ-tát Thập địa, tuy có thể đầy đủ chứng được chân lý của hai Không, nhưng Biến dịch sinh tử vẫn chưa lìa được, nên là chân chẳng phải giải thoát. Lại Nhị thừa khi đắc được Vô dư, thì thân trí vĩnh viễn không còn, nên là giải thoát mà chẳng phải chân. Bồ-tát chứng được hai lý, phiền não chưa hết là chân chẳng phải giải thoát. Như lai cả hai đều khác nên chân giải thoát.

Đắc Đại Bồ-tát là hàng Nhị thừa sinh không trí là Bồ-đề chẳng phải lớn, phàm phu Hữu lậu trí v.v... tuy đồng duyên với tất cả pháp, hành tướng tuy rộng lớn, chẳng phải Bồ-đề, chẳng phải Chánh giác. Phật đầy đủ hai loại gọi là đại Bồ-đề.

Hỏi: Hữu dư y Niết-bàn, Vô dư y Niết-bàn, thể đều là trạch diệt, khởi Kim cương tâm, lúc đoạn được phiền não tức là chứng được hai lý. Vì sao nói thân trí không thì hiển bày Vô dư Niết-bàn? Lại hỏi: Vô dư Niết-bàn là đã chứng lý, nay nói hàng Nhị thừa chứng được Niết-bàn, nhất định cần phải có năng chứng, thân trí đã mất, nói ai chứng đắc?

Đáp hỏi thứ nhất rằng: căn cứ theo thật hai Niết-bàn này, Kim cương tâm sau, lúc giải thoát đạo tức là đã chứng đắc, nhưng Vô dư Niết-bàn hiển bày cần phải thân trí không có, chẳng phải là đã trước chưa từng chứng đắc.

Đáp hỏi thứ hai rằng: luận thật được diệt thân trí chẳng phải không, có thể nói hàng Nhị thừa đắc được Vô dư diệt, do thân trí ở vô dư không hiển bày, không nói đắc, thân trí không có thời, vô dư mới hiển bày, tuy không phải thân trí, nay đối với quả luận về nhân, từ nhân luận về thuyết, nên không trái nhau.

Hỏi: Bồ-tát đắc được Vô trụ xứ Niết-bàn rồi chăng?

Đáp: Đã đắc. Vì sao biết được? Đoạn Trí thù thắng trong Nhiếp luận ghi: “Bồ-tát xa lìa xứ sở như vậy, Bát-nhã, đại bi đều đầy đủ, có thể chính an ổn trụ Vô trụ Niết-bàn”. Lại trong đoạn nói về sự sai biệt của trí Bồ-tát, Thanh văn ghi: “Nghĩa là lấy Vô trụ Niết-bàn làm sở

trụ”, nếu như vậy cũng nói rằng Bồ-tát bốn tất cánh sai biệt, nghĩa là trụ ở cõi Vô dư y Niết-bàn, vì không có đoạn diệt.

Đáp: Đây chẳng thành vấn đề, trong phần giải thích sau luận, nếu lúc chư Bồ-tát được thành Phật, đã chứng được pháp thân, cùng tận bờ mé của sinh tử, không phải đoạn kết, trong vô trụ xứ, chỉ nói rằng Bồ-tát trụ, không nói thành Phật. Lại luận Tạp Tập và Đại Trang Nghiêm quyển 9 giải thích đại bi rằng: “Vì thế được không trụ vào Niết-bàn cũng không trụ vào sinh tử”.

Tây Minh nói: “Kinh Bản Nghiệp ghi: Kim cương Tam-muội gọi là Đẳng giác”, ý này đã nói rằng Đẳng giác cùng với Như Lai v.v... vì sao được nói Phật quả trí thù thắng? Kinh giải Thâm Mật quyển 5 nói, vì do giải thoát thân, hàng Nhị thừa kia cùng với chư Như Lai bình đẳng, bình đẳng, do pháp thân nói có sai biệt, chuẩn theo văn đây, hai loại đều chẳng phải thù thắng, vì sao cùng nói hai thắng quả?

Giải thích rằng: Giải thoát thật không phải sai biệt, đồng đoạn được phiền não, đã được chứng đắc mà nói thắng là từ trí năng chứng, nên không trái nhau. Đây giải thích không như vậy, nếu từ trí năng chứng nên gọi là Bồ-đề, Bồ-đề đều đoạn gọi là Bồ-đề. Lại ý này nói chân giải thoát lựa người của Nhị thừa đã đắc trạch diệt, không đắc chướng hết, đã hiển bày Chân như, nên kinh Niết-bàn ghi: “Người của Thanh văn có Khổ có Đế, mà không phải chân thật”. Kinh Thắng Man ghi: “Nói đắc Niết-bàn là cách xa cõi Niết-bàn”, rõ ràng biết không đắc được chân thật Niết-bàn, nay nói chân thật Niết-bàn này, gọi là giải thoát, nên gọi là thắng quả. Lại nữa giải thoát Nhị thừa đắc được hoặc chướng giải thoát, chưa đoạn được tập khí, nên chẳng phải thắng quả. Đại thừa đoạn được tập khí hợp với sở tri chướng nên gọi là thắng quả, nên luận Nhập Đại Thừa nói Như Lai giải thoát thù thắng hơn Nhị thừa, vì đoạn được tập khí, nên chẳng phải thắng quả. Kinh Pháp Hoa ghi: “Chỉ đoạn được hư vọng gọi là giải thoát, thật chưa đắc được tất cả giải thoát”. Kinh Giải Thâm Mật ghi: “Giải thoát v.v... là căn cứ theo đoạn được phiền não giả giải thoát mà nói”, nên không phải trái nhau. Nhưng lần lượt văn luận riêng đoạn chướng được là căn cứ theo thắng hiển mà nói. Trước vả lại nói chung cũng theo lìa được sở tri chướng nên giải thoát thù thắng. Tây Minh nói, ngài Tam Tạng giải thích Đẳng giác là Vô giá, giải thoát đồng đoạn được một chướng nên nói là Đẳng giác, chẳng cho rằng giải thoát cùng đều gọi là Đẳng. Nay lại giải thích thêm, căn cứ theo lý đã chứng. Sau cùng không phải chướng, chướng ngại lý đã chứng, nên kiến phần rõ ràng, không đồng với đây, trước do

có vi tế chướng ngại kiến phần không phải rõ được, không gọi là Đẳng giác, đây nói Đẳng giác chỉ căn cứ theo Căn bản, chẳng căn cứ theo Hậu đắc, nay đây Bồ-đề ý nói Hậu đắc Nhất thiết chủng trí không đồng với trước gọi là thắng quả.

Tây Minh nói: Một ngàn hai trăm năm sau, Bồ-tát Thanh Biện nương theo kinh Niết-bàn và tông của ngài Long Thọ tạo ra Niết-bàn Chứng luận, Chưởng Trân luận v.v... phá được luận của Vô Trước v.v... có tướng Đại thừa. Đương thời ngài Hộ Pháp nương theo kinh Giải Thâm Mật thành lập Hữu tông, phá được nghĩa của Không kia, nay cho rằng không như vậy, ba tánh của ngài Thanh Biện tông nói là Vô, có thể được nói là Không. Ba tánh của ngài Hộ Pháp chẳng phải đều nói Hữu. Vì sao gọi là hữu giáo? Lại nếu gọi là Hữu và ban đầu khác gì? Do đây nên nói ngài Hộ Pháp nương theo luận Du-già v.v... kia thành lập Phi không hữu, y Viên hữu nên chẳng phải Không, biến kế không nên chẳng phải Hữu, như luận Trung Biên tụng v.v..., Tây Minh, Nhân Vương. Bát-nhã kinh sơ ghi: “Phá được luận sư Du-già hoàn toàn lập ra hữu”. Ngài Hộ Pháp giải thích trong luận Quảng Bách nói rõ chẳng phải Không hữu, rộng như luận kia lẽ ra cũng không phải như vậy, đâu phải ngài Hộ Pháp giải thích qua ngài Di-lặc, phá được luận sư Du-già? Nhưng trong luận kia nói rằng phá được luận sư Du-già nghĩa là phá người sau khác học luận Du-già, một bề chấp có trái với luận Du-già, gọi là pháp được luận sư Du-già, chẳng phá được Bồ-tát Di-lặc đã nói luận Du-già. Như Lý môn luận rằng: Phá được luận sư Cổ Nhân Minh, phá được luận sư cổ khác, chẳng phá được các luận sư như Di-lặc, Vô Trước.

Lại giả nêu Thanh Biện lập ra thức Không, lượng rằng: “Thức bên trong chẳng phải hữu, tông, trong năng thủ sở thủ tùy theo một nhiếp. Nhân, giống như cảnh bên ngoài”. Lại lượng rằng: “Chân tánh Hữu vi không v.v...” như luận Chưởng Trân, đây sẽ biện luận sau. Nay cho rằng lượng trước nếu lấy duyên sinh bên trong thức làm hữu pháp, nhân tức là có lỗi tha tùy một bất thành. Ngài Hộ Pháp không thừa nhận bên trong duyên sinh thức hay nhận lấy cảnh bên ngoài, nếu lập ra thật năng thủ thức, tức là có lỗi tương phù bất thành, nên quyển 2 ghi: “Nếu chấp Duy thức là thật có, cũng là pháp chấp”. Đã nói rằng chấp thật có cũng pháp chấp, rõ ràng không phải thật năng thủ thức, nay do nhân của năng thủ sở thủ, lập đồng với cảnh bên ngoài không, cho nên có lỗi tương phù. Đã có lỗi này, không được cùng với luận chủ lập ra tỷ lượng lỗi tương vi.

Luận: Hoặc chấp các thức dụng khác thể, đồng với Tây Minh nói: “Có thuyết nói tám thức là một, có thuyết nói chỉ chấp sáu thức là một, không nói Thức thứ bảy, thứ tám”. Tuy có hai giải thích, nhưng lấy đây là chính, vì sao? Thế Thân giải thích rằng: “Chỉ trừ riêng có Thức thứ tám”, nên luận kia nói, chẳng lẽ được ý thức, riêng có thức khác, chỉ trừ riêng có A-lại-da thức, nên biết riêng có tự thể của Thức thứ tám, tuy không phải văn chính, nhưng chuẩn theo lý thì Thức thứ bảy là ý riêng có. Yếu Tập có ba giải thích, cách thứ ba đồng với đây, cũng phân phân là chính. Nay cho rằng không như vậy, nếu không có thì chỉ nói có thể như được hợp nhau, đã nói chỉ trừ riêng có Thức thứ tám, càng thừa nhận là Thức thứ sáu riêng có Thức thứ bảy, trái với luận nói “chỉ có”. Yếu Tập lại tổng hợp, như kinh Giải Thâm Mật, văn chỉ hiển bày nói Thức thứ tám cùng với Thức thứ sáu, trong ý hợp nói Thức thứ sáu, Thức thứ bảy. Ý kia nói có Thức thứ tám, vốn chưa tin có mạng-na Thức thứ bảy, nên Thế Thân thuật lại chỉ trừ Thức thứ tám kia, không trừ được Thức thứ bảy.

Nếu như vậy làm sao biết Thế Thân không nương theo kinh Lăng-già nói Thức thứ tám và Thức thứ bảy như nước dậy sóng? Chấp Thức thứ bảy là một, chỉ trừ Thức thứ tám. Lại nữa, Vô Tánh chỉ nói trong đây không phải riêng thức khác, làm sao biết không nương theo một loại? Các sư nương theo kinh Lăng-già nói như nước dậy sóng, tám thức thể là một, luận này chỉ nói thể của các thức đồng, không lựa riêng ra. Lại Nhiếp luận của Vô Trước ghi: “Có một loại sư nói một ý thức, bĩ bĩ y chuyển đặc được bĩ bĩ tên gọi, như ý tư nghiệp gọi là thân nghiệp, ngữ nghiệp, nương theo văn luận kia, tức là nói rằng: nói một ý thức, rõ ràng không thừa nhận nhiều. Lại nói rằng như ý thức khác, dụ chẳng phải tương tự, không gọi là một ý. Vì vậy luận Vô Tánh chỉ nói chung, không phải riêng thức khác.

Nhiếp luận của Thế Thân chỉ trừ được Thức thứ tám, lại riêng nghĩa của thấy, như luận sư Cổ Nhân Minh lập ra năng sở thành, nhiều ít đều riêng trái, đều tương tự, luận sư xưa một ý, cũng nên như vậy, không thể trái với luận nói sáu thức là một, lấy đây làm chính.

Hoặc chấp là tâm không riêng tâm sở. Bản sở nói chỉ có ba tâm sở. Lại nói tâm sở, thọ tướng, hành tín, tư v.v... Yếu Tập ghi: “Vì sao được biết lập ra ba, bốn v.v..., thấy không dẫn văn tức là nói rằng làm thế nào biết được? Như Tây Minh đã dẫn, vì sao biết được Bản sở không thấy văn kia, e rằng phiền phức nên không dẫn, mọi người đặt ra chứng cứ trách cứ chỉ vô ích.

Bản số nói nương theo kinh Đại Bát-nhã, trong tám chuyển thức, giải thích thế gian nói là vượt ngoài thế gian nên gọi là thế gian, do thế của năm uẩn tức là thế gian chẳng phải là năm uẩn chỉ từ thế gian xuất, vì thế của năm uẩn là thế gian, lúc năm uẩn tự hiện gọi là thế gian xuất. Như thế gian nói lời Thánh nhân xuất, chuẩn theo tám chuyển thanh, tức là thế âm thanh. Tạo ra thế gian là do từ uẩn trên khởi các phiền não, phiền não sinh ra nghiệp tạo tác sẽ là quả, gọi là tạo ra thế gian, tức là âm thanh của nghiệp. Do thế gian, do phiền não v.v..., là năm uẩn đầy đủ hay tạo ra năm uẩn, uẩn từ nó đầy đủ nên gọi là do thế gian, tức là đầy đủ âm thanh. Làm thế gian nghĩa là lấy làm thế của uẩn, rơi vào thế gian, nên gọi là thế gian, tức là âm thanh. Nhờ vào thế gian nên quá khứ cảm nghiệp, thế là thế gian, từ nó chiêu cảm, nhờ vào nó nên gọi là nhân thế gian, tức là từ âm thanh. Thuộc về thế gian vì trói buộc thuộc thế gian, tức là thuộc về âm thanh. Nương theo thế gian, vì sát-na sinh diệt, sau nương theo trước mà được khởi, gọi là y thế gian. Tất cả các pháp đều trong tên gọi của bảy chuyển thanh, Thức thứ tám gọi là âm thanh vì chiêu cảm nó, lại không có nghĩa riêng, nên lược không nói.

Lại vận hỏi có năm:

1. Vì làm rõ nghĩa cho kinh Bát liễu nghĩa, như nói văn này có nghĩa gì?

2. Nói trái nhau, như nói vì sao Thế Tôn trước nói và nay nói khác nhau.

3. Là đạo lý trái nhau, như có hiển bày nghĩa của bốn loại đạo lý trái nhau.

4. Không phải quyết định, ở một loại nghĩa, ở chỗ khác kia, các loại môn khác nói.

5. Là cứu cánh chẳng phải hiện thấy, như nói bên trong ngã, có thể tánh nào mà nói thường hằng không có thay đổi, chánh trụ như thế v.v... Nay đây thiết lập vận hỏi tức là thứ hai, thứ ba.

Do giả nói ngã pháp, văn tụng này, khoa phán phân như Bản số và Xu Yếu. Giải thích văn tụng này, tuy có mười luận sư đại loại chia làm ba, nghĩa là Bồ-tát An Tuệ đứng về Y tha chỉ lập ra một phần; Nan-đà, Thân Thắng v.v... lập ra hai phần; luận sư Trần Na v.v... lập ra ba phần. Hộ Pháp chuẩn theo dưới tuy lập ra bốn phần nhưng tùy theo xưa, giải thích nương theo ba phần. Vả lại, An Tuệ nói tướng phần, kiến phần không có thể, vì năng thủ sở thủ, nên kinh nói Hữu vi Vô vi gọi là hữu, ngã và ngã sở nói là vô, đây nói Hữu vi và do Vô vi hai loại là có, lại không phải pháp khác. Phật hay chứng biết vì lìa hư vọng, do Tự chứng

phần lúc duyên theo Chân như, càng không phải kiến phần tướng phần, không phải năng thủ sở thủ, lúc duyên theo tự chứng phần làm Hậu đắc trí, không phải hai thủ nên cũng không phải kiến phần, tướng phần. Do đây tướng phần kiến phần đã hư vọng, tức là thuộc về Biến kế, trong y tha chỉ có tự chứng phần, đã có hai phần đều là vọng tâm, nên ba tánh tâm đều thừa nhận có chấp, trừ Phật ra đều có chấp. Vì sao biết? Theo nhiều kinh luận, trong Địa thứ năm đoạn được bát Niết-bànchương của Thừa dưới. Câu Niết-bàn đã là tâm thiện, nếu không chấp vì sao cần phải đoạn? Từ Địa thứ tám trở lên trừ Gia hạnh tâm, Gia hạnh tâm thiện, đã nói trừ, nên biết có chấp. Lại nữa, Thế Thân tạo luận Duyên Khởi thừa nhận ba tánh tâm đều đủ cả vô minh, nên đều có chấp.

Hỏi: Đã trừ Phật ra thấy đều có chấp, mười Địa tâm Vô lậu có chấp không?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Nói rằng có chấp. Nhị Thập Duy thức ghi: “Tha tâm trí vì sao biết được cảnh không như thật, như biết tâm trí của mình, không biết như cảnh của Phật”, đã nói rằng không biết như cảnh của Phật, rõ ràng tâm Vô lậu cũng có chấp.

Hỏi: Đã thừa nhận Vô lậu lại gọi là thiện, vì sao có vô minh?

Đáp: Lựa ra trọng khác, như thọ Hữu lậu lạc cũng gọi là khổ, vì thuộc hành khổ, như Hữu lậu thiện cũng gọi là bất thiện, thắng nghĩa bất thiện nên gọi thiện và Vô lậu, cũng lựa ra trọng.

2. Nói rằng tuy thông với ba tánh, Vô lậu tâm không có, nên quyển 8 ở sau nói tám thức, tâm, tâm sở Hữu lậu được nhiếp đều có chấp, đã lựa ra tâm Vô lậu, nên không nói có.

Hỏi: Đâu không phải hai phần ư?

Đáp: Theo quyển 9 sau giải thích chân kiến đạo, trong nêu dị thuyết không lập ra hai phần, tức là An Tuệ v.v... nên tâm Vô lậu không thừa nhận có chấp. Song Nhị Thập Duy thức nói không biết như cảnh của Phật là căn cứ Hữu lậu nói, hoặc chẳng phải thấu rõ như Phật, tương truyền có hai giải thích. Chuẩn theo đây chỉ Phật không có hai phần, nên biết ngã pháp, không nương theo lời Phật. Không phải hai phần, chứng được không thể nói, chấp tập khí đoạn hết, thiết lập ra ngã pháp chỉ ở pháp khác trừ Phật đã ra đối với kế sở chấp hoàn toàn không có, riêng chấp làm ngã và do thật pháp, Thế Tôn trừ được hư vọng chấp này, đối với tổng vô thượng giả lập ra làm ngã pháp của Thánh giáo, nên kinh tụng rằng: “Như ngu được phân biệt, tụng chứng vọng chấp khác”, là đối với người ngu trừ chấp thật ngã pháp, tụng chứng được ý

của Phật nói, vì Thế Tôn lìa chấp, không phải tướng phần, kiến phần, nên không nương theo Phật thiết lập ngã pháp. Hỏi: Nếu như vậy vì sao gọi là Như Lai v.v...

Đáp: Là đối với trừ chấp thật khác, nên Như Lai thiết lập giả hiệu như luận Đối Pháp nói nghĩa của ngã.

Hỏi: Phật không phải tướng phần, kiến phần, ai có thể nói?

Đáp: Chuẩn theo đây nên đồng với Vô Tánh v.v... giải thích người nghe thức trên tụ tập hiển hiện, Phật thật không nói. Song An Tuệ giải thích ngã giả pháp, thế gian ngu phàm phu, ở nơi tự chứng phần vọng sinh ra tướng phần kiến, tướng phần kiến phần vốn là không, không rõ được không năng chấp có ngã chấp, ngã pháp riêng là không, hoặc chấp tướng phần, kiến phần khác nhau, lấy làm hoặc ngã hoặc pháp, nên gọi là riêng không. Tướng phần, kiến phần chung là không làm riêng ngã pháp, làm ra chỗ nương vì ngã pháp này nương theo tướng phần kiến phần, gọi là riêng không nương theo chung không mà giả lập làm ngã pháp của thế gian, vì không nương không nhờ lập ra Thánh giáo đã nói ngã pháp, tuy mê, ngộ khác nhau, đều nương theo không. Lại đây An Tuệ do bên ngoài giống bên trong, do không giống có thể của tướng phần kiến phần, không giống tâm bên trong chấp có, ngã pháp chuẩn theo đồng. Ngã pháp của Thánh giáo do có giống không. Nếu ngài Hộ Pháp giải thích đầy đủ như Số, song Bản số phán phân rằng trên đây hai giải thích:

Thứ nhất giải thích rằng: Ngã pháp hai giả bèn thuộc về thuyết, chỉ nhờ vào ngôn thuyết lấy làm ngã pháp, thế kia đều là trái. Ý đây giải thích rằng: Ngã pháp của thế gian nói tướng của sở chấp, lấy làm ngã pháp, ngã pháp vốn không chỉ là ngôn thuyết. Thánh giáo tuy nói sở duyên kiến phần tướng phần, các pháp uẩn v.v... lấy làm ngã pháp, uẩn v.v... thật chẳng phải như ngã pháp, nhưng chỉ có ngôn thuyết nên thuộc về thuyết.

Thứ hai giải thích rằng: Lấy sở chấp làm như ngã pháp, ý đây giải thích rằng: Sở chấp bên ngoài ngã pháp là vô, thế gian nói là ngã pháp, tùy theo tự hữu tình chấp hiểu rõ của ngã pháp, không pháp sở chấp kia ngã pháp có thể nói, vì ngã pháp không nương theo hữu tình bên trong, do không nương theo hữu giả, nên chỉ nói hữu tình. Thánh giáo đã nói nương theo thức v.v... trên có nghĩa của ngã pháp, nghĩa nương theo thế, tức nghĩa là riêng, thể của thức là chung, do riêng nương theo chung, nên nói nghĩa riêng, lấy làm ngã pháp gọi là nghĩa nương theo thế, đây đã nói nghĩa lấy làm ngã pháp, nên không nằm trong ngôn thuyết, có

nghĩa là thể kia làm sở thuyết.

Lại Hộ Pháp giải thích, do bên trong tự như bên ngoài, do có tự như không, hưởng về bên ngoài tự như tướng phần, kiến phần là có tự như ngã pháp bên ngoài, ngã pháp là không, ý này Thánh giáo đã nói tướng phần kiến phần, mà thể tuy có, kẻ ngu phàm phu đã chấp thật cái không của kiến phần tướng phần, vì chấp thật có năng duyên, sở duyên làm kiến phần tướng phần. Nay ý của Hộ Pháp kiến phần tướng phần duyên sinh giả gọi là tướng phần kiến phần, vì từ ngu phàm phu kia đã chấp hai phần, nên nói do có tự như không.

Luận: Và liễu biệt cảnh thức, Yếu Tập nêu một chữ “Thức” trong hữu thuyết thông với ba năng biến. Có người nói trước nói nó nương theo thức sở biến. Ba thức thông với tên gọi, đây nói rằng thức là chỉ thuộc về Liễu biệt năng biến thứ ba, vì tâm, ý, thức, tên gọi, thể khác nhau (Yếu Tập chỉ kể ra mà không quyết đoán). Nay cho rằng cách giải thích này là sai, vì sao? Trước nêu lên ngã pháp nương theo thức sở biến. Kế nói rõ năng biến, thể của thức một hay nhiều vốn muốn giải thích trước, không nghĩ chỉ giải thích tên của tâm, ý, thức, nên sau giải thích rằng ba loại này đều gọi là thức năng biến. Lại tâm, ý, thức rõ ràng gọi là thông, tùy theo tăng lập ra tên, chỗ khác nói khác nhau, ở đây căn cứ theo thông, tên gọi thể của thức, không nói khác nhau.

Pháp nghĩa là quỹ trì. Bản sở giải thích rằng, quỹ làm khuôn phép có thể sinh ra vật giải, trì nghĩa là giữ gìn không bỏ tự tướng, ý này hay có khuất khúc khuôn phép, biểu hiện rõ ràng sai biệt. Sinh ra vật giải là tùy theo tăng gọi là quỹ, không làm khuất khúc biểu hiện rõ ràng, chỉ sinh thẳng hiểu rõ tức gọi là giữ gìn, giữ gìn tự tánh, duyên theo Vô vi v.v..., lúc sinh ra vật giải cùng được gọi là pháp, không phải là nhất định nói không vô Chân như không thể sinh ra vật giải, nên gọi là trì. Nay đối với cùng tên một pháp, chia làm quỹ trì, nếu không như vậy quỹ trì có khác gì? Lại do quỹ trì bản sở có bốn đối, không phải là như kế phối hợp quỹ trì trước, chỉ tùy theo chỗ ứng làm ra bốn đối, chuẩn theo nghĩa phối hợp nhận lấy, đều nói trong Thánh giáo thế gian đối của Xu Yếu.

Xu Yếu giải thích: Trong đây đều nương theo nghĩa của tăng thượng mà nói bốn cách giải thích trước thông với Thánh giáo của thế gian, cách thứ năm chỉ phối hợp. Nếu giải thích sự thích hợp này, Tây Minh dẫn lập ra vô cũng gọi là quỹ, như luận Nhân Minh lập ra ngã là vô, cũng được gọi là quỹ, chỉ nhộc công vô ích. Có người giải thích không được, chủ ý của bản sở chống chế nghĩa này, nói rằng lấy thể của ngã vô làm Sở duyên duyên. Lấy thể của vô nên không thể sinh ra

vật giải gần gũi duyên có thể sinh ra vật giải gọi là quĩ, cũng là thiết lập hoài công. Có người nói rằng lại dẫn luận Du-già quĩ thông với hữu pháp và pháp, Hữu vi Vô vi hoặc hữu hoặc vô đều gọi là luận về quĩ, cũng nên tự dừng. Yếu Tập lại ghi: “Có thuyết nói về bốn đối nói rõ trì, quĩ khác nhau. Vô vi vô pháp chỉ trì chẳng phải quĩ nghĩa tức là khó tìm. Lại dẫn kinh Lăng-già chân trí duyên Chân như cho đến nói rằng Hậu đắc trí duyên xa tự bản chất sinh ra vật giải gọi là luận quĩ, cũng không có lỗi. Đây không khác với trước cần gì phiền phức nói rộng. Lại dẫn luận Du-già 52 nói: “Do hai loại duyên, các thức được sinh cho đến ý pháp”.

Đáp: Do hay giữ gìn năm thức thân, nghĩa là bất hành. Phật, Thế Tôn giả nói gọi là pháp. Năm thức không hành thông với vi Vô vi, đã muốn chứng được vô và như tên quĩ, lại dẫn thông nói vô cũng là quĩ, không giải Bản thích, chỉ là chứng cứ vô ích, nên tìm giải thích trước, kinh luận không trái nhau. Giải thích ngã nghĩa là mạng sống của hữu tình v.v... đầy đủ như trong mười loại sinh của Xu Yếu. Một sinh như thế nào? Nghĩa là hai loại thai sinh và noãn sinh lúc ban đầu nương gá vào mà sinh. Đẳng sinh như thế nào? Nghĩa là trụ vào bên trong của thai sinh và noãn sinh. Thú sinh nghĩa là từ khi sinh ra, nghĩa là ra khỏi thai sinh và noãn sinh.

Ngã sai biệt trong Xu Yếu có mười bảy, nay lại thêm luận Đại Trang Nghiêm quyển 11 ghi: “Kiến giả, văn giả, giác giả, thức giả, thực giả, tri giả, thuyết giả, tác giả”, đây chỉ nêu tám loại. Kiến giả, tri giả, tác giả đồng với thuyết trước. Văn giả, giác giả, thức giả, thuyết giả năm loại khác nhau, mười bảy loại trước lại có thêm năm loại này và có hai mươi hai loại. Tuy chưa thấy được văn, chuẩn theo kinh Đại Bát-nhã đã có sử tác giả, sử thọ giả v.v... Lại thêm sử văn giả v.v... là thành hai mươi bảy loại, lý cũng không trái.

Trong Thánh giáo, ngã có phạm thánh khác nhau. Vả lại, trong Thánh giáo thiết lập ra ngã của phạm tức là ba giới, bốn sinh, bốn Thánh, bốn hữu v.v... lập ra Thánh giáo là ngã sai biệt. Vả lại nói rõ Thanh văn rộng có hai mươi bảy bậc Hiền thánh, tụng chung rằng: “Tín, kiến, thân, tuệ câu; hương, quả đều có bốn; bảy phần, gia, và chủng; trung, sinh, hữu, vô thượng; thoái, tư, hộ, trụ pháp; kham đạt và bất động; hai mươi bảy Hiền thánh”. Nếu phương tiện có hai nghĩa là tùy tín hạnh, tùy pháp hạnh, nếu quả sai biệt có hai mươi bảy loại.

Một là Tín giải (đây là tùy tín hạnh, người tu hành đến quả vị tức là người độn căn).

Hai là Kiến đáo (đây là tùy pháp hành, người đến quả vị cũng là người lợi căn).

Ba là Thân chứng (đây là quả Bất hoàn đắc được diệt định).

Bốn là Tuệ giải thoát (bậc La-hán chưa đắc được diệt định chỉ đoạn được phiền não chướng, chưa đoạn được định chướng nên thông với độn căn và lợi căn).

Năm là Câu giải thoát (nghĩa là đắc được diệt định La-hán định tuệ hai chướng đều giải thoát là hạng người thông với độn căn và lợi căn).

Bốn hướng, bốn quả (tám loại này đều thông với người độn căn và lợi căn). Năm loại trước và tám loại này làm thành mười ba loại.

Mười bốn là bảy lần qua lại, nghĩa là Sơ quả rất nhiều, bảy lần sinh về cõi người cõi trời sau đó đắc được quả Vô học, hoặc cũng bất định.

Mười lăm là Gia, Gia là quả Dự lưu tiến đoạn được ba phẩm hoặc, bốn phẩm hoặc của tu đạo nhập vào Nhất lai mà trải qua sinh về cõi trời thượng gia cho đến trung gia của người, hoặc ở nhà người cho đến thiên thượng gia ở trong cõi Dục, cõi trời, cõi người quyết định vãng lai hai lần, ba lần đắc được quả vô học gọi là gia gia. Nếu không phải trải qua sinh chỉ gọi là Nhất lai hướng chứ không gọi là Gia gia.

Mười sáu là làm một chủng tử, chỉ có nghiệp của một đời gọi là một chủng tử, cũng gọi là nhất gia, tức là quả Nhất lai tiến đến đoạn được tu đạo của cõi Dục đoạn được hoặc, cho đến bảy phẩm, tám phẩm nhập vào Bất hoàn mà trải qua sinh, hoặc người hoặc trời chỉ thọ một đời, tức là bát Niết-bàn, chỉ có một khe hở dung chứa một đời này gọi là nhất gian. Nếu không phải trải qua sinh, chỉ gọi là Bất hoàn không gọi là một chủng tử.

Mười bảy là Trung bát, thân của cõi Dục đắc được quả Na-hàm, sau khi mạng chung thân sinh về Sắc giới đắc được bát Niết-bàn gọi là Trung bát, do sinh kết đã hết khởi kết chưa mất, do sinh kết hết nên không thọ được sinh hữu. Do khởi kết chưa mất nên chỉ thọ được thân Trung hữu. Sinh kết nghĩa là Hoặc hay nhuận sinh hữu, nó đã hết nên gọi là sinh kết đã tận. Khởi kết là Hoặc hay nhuận sinh hữu. Vì sao gọi là khởi? Vì đối với thân hiện tại khởi phiền não này nhuận sinh thân Trung hữu, nên gọi là khởi kết. Hoặc khiến cho thân Trung hữu này khởi gọi là khởi kết, nó chưa hết nên gọi là khởi kết chưa mất. Ở đây có ba loại: một là Trung hữu của cõi trên mới khởi liền được Thánh quả mà bát Niết-bàn. Hai là Trung hữu khởi lên rồi là đến sinh hữu mới khởi tư

duy Thánh quả, hiện tại khởi tức là bát Niết-bàn. Ba là tư duy rồi muốn đến sinh hữu tức là đắc cực quả mà bát Niết-bàn.

Mười tám là Sinh bát, sinh về Sắc giới liền bát Niết-bàn nên gọi là Sinh bát.

Mười chín là Hữu hành bát, là sinh về Sắc giới rồi thường thường khởi hành đoạn hoặc đắc được bát gọi là Hữu hành bát.

Hai mươi là Vô hành bát, là sinh về Sắc giới rồi không thường khởi hành, do sức thói quen hay đoạn được Tùy miên đắc bát Niết-bàn gọi là Vô hành bát.

Hai mươi một là Thượng lưu bát, là từ Sơ thiên sinh cho đến Phi tướng gọi là Thượng lưu bát. Vô sắc đắc được quả vô bát Niết-bàn này. Ở đây có hai, nếu lạc tuệ thượng lưu cực đến Sắc cứu cánh do năm phẩm huân tập thiên, sinh về Ngũ tịnh cư, đắc được quả vô học mà bát Niết-bàn không sinh về Vô sắc. Nếu lạc định thượng lưu tức là cực đạt đến Phi tướng phi phi tướng, không sinh về Ngũ tịnh cư, trên đạt đến Vô sắc, đắc được quả vô học mà bát Niết-bàn, cả hai loại này đều là định tánh Nhị thừa.

Hai mươi hai là Thoái pháp, là trong độn căn rất thấp, gặp duyên liền thoái gọi là thoái pháp, gọi là độn căn tánh, nếu du tán hoặc không phải du tán, hoặc tư duy hoặc không phải tư duy, đều nhất định thoái mất pháp lạc trụ hiện tại, tức là thế gian tính lự lạc, chẳng thoái mất pháp Thánh pháp.

Hai mươi ba là Tư pháp, là sợ thoái mất pháp lạc trụ hiện tại, nên tư duy Thánh đạo. Nếu không tư duy thì mất, tư duy tức là không mất.

Hai mươi bốn là Hộ pháp, là tác ý hộ trì, sợ mất hiện pháp lạc trụ, nếu du tán phóng dật, không ủng hộ tức là mất, nếu không phải du tán không phải phóng dật, ủng hộ tức là không mất.

Hai mươi lăm là Trụ bất động, là nếu du tán nếu không phải du tán, nếu cầm dao nếu không cầm dao, đều không thoái mất hiện pháp lạc trụ, cũng không thể chuyển được độn căn, thành tự lợi căn gọi là Trụ bất động. Nói người cầm dao nghĩa là có bậc Thánh nhằm chán hoạn thân, tự tay cầm dao muốn tự hại mình, người không cầm dao, không làm việc này.

Hai mươi sáu là Nhất định thẳng tấn, là nếu tán không tán đều không thoái mất hiện pháp lạc trụ, nhất định hay chuyển căn đến Bất động, nên gọi là Nhất định thẳng tấn, cũng gọi là Kham đạt, nghĩa là hay kham nhẫn chuyển căn cho đến Bất động.

Hai mươi bảy là Bất động, là đã thành tự lợi căn, nếu tán không

tán cuối cùng không thoái mất hiện pháp lạc trụ, rốt ráo không bị phiền não loạn động, gọi là Bất động.

Hỏi: Thế nào gọi là thân chứng?

Đáp: Nói thân chứng là luận Tát-bà-đa cho rằng do đặc định này sáu thức không hành, chỉ có sắc căn và mạng, ở bên thân này có chứng đắc, chứng đắc được diệt định này nên nói là thân chứng.

Hỏi: Vì sao không nương theo mạng căn?

Đáp: Do chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, không thể trở lại nương theo chẳng phải sắc chẳng phải tâm. Nếu luận sư Đại thừa không nói bên thân có đặc khác đặc, chỉ hiển bày được diệt định, được lý lại gần gũi, như thân căn nhận lấy cảnh, từ dụ đặt tên, gọi là thân chứng.

Hỏi: Như Hữu bộ cõi Dục Sắc giới có thân căn, nương theo đây được diệt gọi là thân chứng?

Đáp: Vô sắc giới tuy thật không phải thân căn, không nhập vào diệt định, không phải thân chứng. Đại thừa đã khác, Vô sắc giới cũng được nói có thân chứng.

Tăng sinh tổn sinh là cõi Dục tu đạo phiền não chia làm chín phẩm, đem chín phẩm này để làm thối nhuần bảy sinh. Ban đầu thượng thượng phẩm hoặc do tăng thanh nên chỉ thối nhuần hai sinh. Lúc đoạn được phẩm này, hai sinh liền giảm thượng trung, thượng hạ hai phẩm này cùng thối nhuần hai sinh, lúc đoạn được hoặc này, hai sinh vĩnh viễn dứt, thông với hai sinh trước, giảm được bốn sinh. Trung thượng một phẩm hay thối nhuần một sinh, nếu giảm tổn một phẩm này, ba sinh đã thối, ở trong hạ năm phẩm gọi là gia gia, trung trung, trung hạ cùng chiêu lấy một hữu. Nếu đoạn được hai phẩm này, ở hạ ba phẩm gọi là Nhất vắng lai, không gọi là gia gia, hạ thượng một phẩm chỉ cảm được một nửa sinh, đoạn được một phẩm này, tức gọi là Nhất gian. Vì có hạ trung, hạ hạ cảm được hữu, hạ trung, hạ hạ cũng tăng thêm một nửa sinh nên gọi là Nhất gian. Sơ quả cực hữu không phải vượt lên bảy sinh, bất định khác trong bảy sinh không nói, từ đây trở lên căn cứ đại sinh mà nói, trời người chẳng hai quả báo hợp gọi là Nhất sinh. Nếu bàn luận về Trung hữu trời người nói khác nhau, có mười bốn loại. Trong mỗi một sinh đều có có Trung hữu, trời người đều có bảy, hoặc bao gồm cả mười sau sinh của bản hữu. Trên đây lược nêu, chưa tìm được văn, như có chỗ lầm nên có thể chỉnh nó, trên nương theo tùy chuyển, Đại thừa không văn, căn cứ theo tông của Đại thừa, chưa nhất định như kia phần phẩm nhuận sinh, vì sao? Luận Du-già nói tất cả phiền não trong toàn cõi đều hay nhuận sinh.

Nếu như kia nói thượng thượng phẩm hoặc hay thọ hai sinh, người của quả Dự lưu, Hoặc còn lại ai ngăn che không khiến cho cùng nhuần? Nhưng thượng phẩm nhuần nên lẽ ra chung nhuần, do đoạn được một phẩm, hoặc còn lại chỉ hay thấm nhuần năm sinh, sức lụi dần dần nhỏ, còn lại chuẩn theo đây (nên càng kiểm xét vặn). Nếu trong Đại thừa hoặc nói năm Bồ-đặc-ca-la, bảy địa, mười ba trụ, hoặc bốn mươi hai bậc Hiền thánh v.v...

Pháp các thứ tướng nghĩa là uẩn, xứ, giới v.v... đây nói thiện xảo các luận không hỏi, nương theo luận Du-già quyển 2, 7 nói có năm thiện xảo, thêm xứ phi xứ và nhân duyên thiện xảo, như Bát-nhã tâm kinh. Hoặc nói là sáu, ở trong luận này thêm duyên khởi, đế và vô trí cũng vô đắc, tức là bốn thiện căn trong năng thủ sở thủ quán thiện xảo. Đây căn cứ theo Tam thừa, hoặc vô trí đắc chỉ theo Đại thừa làm ra Duy thức quán. Nếu luận Du-già quyển 57 nói sáu, ở nơi năm thượng trên thêm căn thiện xảo. Luận Hiền Dượng quyển 14 nói bảy thiện xảo, ở nơi sáu thượng trên thêm đến thiện xảo, nên luận kia tụng rằng: “Ở nơi uẩn, xứ, giới; và các pháp duyên khởi, xứ phi xứ, căn, đế; thiện xảo, sự nên biết”. Luận Biện Trung Biện có mười thiện xảo, tụng rằng: “Uẩn, xứ, giới, duyên khởi; xứ phi xứ, căn, thế; đế, thừa, vi, Vô vi; gọi là mười thiện xảo”.

Luận: Đây trong thức nói cũng nhiếp tâm sở. Ý của Bản sở nói ngoại đạo hỏi ngã pháp sở y tướng năng bên trong biến đầu không phải tâm sở, ý này khó nói, tâm hay biến đổi kiến phần tướng phần, nương theo trên lập ra ngã pháp? Nay đáp vặn hỏi này. Đây trong thức nói cũng nhiếp tâm sở, vì sao? Vì định tương ứng, lúc tâm khởi chẳng phải định có tâm sở, như tham, tín v.v... lúc tâm khởi theo cùng một đủ cả, chẳng phải tất cả thời thường tham, tín hợp nhau, nên nêu lên tâm vương nhiếp phục tâm sở, không nêu lên tâm sở nhiếp phục tâm vương. Tây Minh nói: Đáp vặn hỏi của ngoại đạo, vặn hỏi sắc v.v... nương theo tâm biến, nhiếp phục vốn gọi là Duy thức. Tâm sở chẳng phải tâm biến, tâm sở chẳng phải thức, nên nay giải thích, đây trong thức nói cũng nhiếp tâm sở, đây chưa hẳn như vậy, vì sao nương theo trước là vặn hỏi, trước nói rằng các tướng như thế, nếu do giả nói nương theo đâu được thành tự?

Đáp rằng: Tướng kia đều nương theo thức được chuyển biến, nương theo đây tức là vặn hỏi, thức chuyển biến đổi kiến phần tướng phần, nương theo nó lập ra ngã pháp, tâm sở biến đổi kiến phần tướng phần. Vì sao không nương theo kia lập? Điều này sẽ giải thích sau.

Trong đây thức nói cũng nhiếp tâm sở, thế vẫn liền nhau, như Tây Minh giải thích rốt cuộc có vấn đề này, nên lại cần phải thông, lại chưa giải thích biến nghĩa là do Duy thức. Vì sao có vấn đề này? Hoặc có thể ngoại đạo vấn đề, tướng phần kiến phần thức được biến, nương theo nó lập ra ngã pháp, tâm sở chẳng phải thức biến nên chẳng lập ra ngã pháp, nên đáp. Trong đây thức nói cũng nhiếp tâm sở, vì định tương ứng, đây cũng không hẳn như vậy. Nếu trước nói nương theo thức lập ra ngã pháp, có thể nói thức nhiếp tâm sở, nói sở biến chẳng biến là vấn đề không đều nhau, nên Bản sở giải thích chính. Yếu Tập ghi: “Ý của hai bản sở đồng”, do đọc không xét kỹ. Yếu Tập lại ghi: “Nói vì định tương ứng”, sau giải thích nguyên do, nghĩa là tâm sở kia tuy chẳng phải thức biến, mà định tương ứng cũng được tên thức.

Lại hỏi rằng: Sắc v.v... tâm sở biến nhiếp tướng rõ ràng Duy thức, tâm sở nhất định tương ứng, nhiếp biến rõ Duy thức?

Lại đáp rằng: Chẳng lệ thuộc vào sắc v.v... chỉ một phần, tùy theo năng biến kia nói Duy thức, tâm sở đầy đủ ba phần, không tùy theo thức kia gọi là Duy thức, nghĩa là tâm sở kia v.v... biến v.v... ba phần đầy đủ thành tựu, thọ v.v... mỗi mỗi tự thành tựu Duy thức, giải thích này không đúng. Vì đầy đủ ba phần gọi là thức, tâm sở đầy đủ ba phần được tên thức. Vì sao chỉ nói thức có tám loại, lại trái với quyển 7 ở sau, không lia thức nên chỉ giải thích Duy thức.

Luận: Tướng phần kiến phần đều nương theo tự chứng phần khởi.

Hỏi: Tướng phần kiến phần hai phần làm đồng loại sinh, làm loại riêng khởi?

Đáp: Có ba luận sư không đồng. Luận sư thứ nhất nói rằng Kiến phần tướng phần đồng loại sinh, đã gọi là Duy thức, nếu loại riêng đã khác với thức, vì sao gọi là Duy thức? Đây có hai loại: một là ba pháp đồng loại sinh, nghĩa là ba loại bản chất, ảnh tượng và kiến phần, vả lại lúc nhãn thức khởi duyên theo cảnh của thức huân tập thành chủng tử, chủng tử có ba công năng: một là hay sinh ra bản chất, hai là sinh ra tự tướng phần, ba là sinh ra tự kiến phần. Hai là Pháp đồng loại là chỉ tự tướng phần, kiến phần không sinh ra bản chất (nghĩa là duyên theo quá khứ, vị lai, như lông rùa không có v.v...) hoặc tuy có chất, chất vốn có sinh, không thể huân tập.

Hỏi: Ba pháp trước đồng loại sinh, có hai lỗi. Một Thức thứ tám tướng lệ thuộc lỗi, nhãn thức gần duyên theo sắc tướng phần kiến phần đồng loại sinh, vốn thức gần duyên theo sắc cũng đồng loại khởi?

Đáp: Nhãn thức tự hay huân tập tướng phần kiến phần đồng loại khởi. Thức thứ tám không thể huân tập kiến phần tướng phần đều riêng khởi.

Hỏi: Nếu như vậy nhãn thức không duyên theo kiến phần của Thức thứ tám, kiến phần, tướng phần của Thức thứ tám riêng khởi, Thức thứ sáu đã không hay đồng, kiến phần, tướng phần của Thức thứ tám đồng loại?

Đáp: Kiến phần, tướng phần của Thức thứ tám cũng đồng một loại, nếu hai loại như vậy các pháp có lỗi tạp loạn, như Thức thứ sáu trong một sát-na duyên theo mười tám giới, bản chất cùng với kiến phần, tướng phần, đã đồng loại sinh, nên mười tám giới thành lỗi tạp loạn, cũng có lỗi ba cõi tạp loạn. Nếu nương theo loại thứ hai, không sinh ra bản chất, bản chất chỉ là cũ cũng có hai lỗi: một là lỗi trái với giáo, nếu trước chuyển thức không huân tập thành chủng tử bản thức của Thức thứ tám kia trái với luận A-tỳ-đạt-ma. Kinh ghi: “Các pháp đối với thức tàng, thức đối với pháp cũng như vậy, lại hỗ tương làm nhân tánh, cũng thường làm quả tánh”. Hai là lỗi cõi tạp loạn, lại nếu kiến phần và tướng phần đồng loại, như ở Địa dưới khởi thiên nhãn trên, đã thừa nhận bản thức duyên theo hai căn kia lấy làm tướng phần, tức là bản thức của cõi Dục cùng với hai căn kia đồng một loại sinh, nhãn căn cõi trên cùng với thức của cõi dưới đồng loại lỗi. Nếu nói Thức thứ tám không thể huân tập nên kiến phần, tướng phần loại riêng, một là trước nói không lựa ra, hai là lỗi trái với lý. Thức thứ tám đều có tướng phần, vì sao có sự không đồng?

Luận sư thứ hai nói rằng: Kiến phần, tướng phần cùng loại, nếu như vậy có ba lỗi:

1. Giả pháp loại sinh, như duyên theo cực vi, cực vi không có tự thể, nhưng giả tướng tuệ chiết phục làm cực vi. Duy thức sau nói chẳng cho rằng cực vi có thật tự thể. Lại luận Du-già quyển 54 ghi: “Kiến lập cực vi chẳng do có tự thể, cho nên cực vi không sinh không diệt”, nếu tướng phần này chỉ huân tập thành chủng tử, sinh ra hiện hành, cực vi có thể cũng có sinh diệt, duyên theo bất tương ưng lỗi cũng đồng với đây.

2. Trái với Thánh giáo, luận Hiển Dương quyển 18 ghi: “Nghĩa là các cực vi chỉ giả tướng lập, tự thể lập là không”, luận Du-già quyển 54 cho rằng chẳng do có tự thể, nếu loại riêng sinh tức là thành tựu có tự thể, nên trái với Thánh giáo.

3. Quả pháp hay huân tập, đã giả tướng tuệ an lập cực vi tướng phần là giả thừa nhận hay huân tập chủng tử, tức là trái với lỗi thứ hai,

giả pháp như không phải nhân duyên.

Luận sư thứ ba nói rằng: Hai phần kiến phần tướng phần tùy theo chỗ ứng, chủng tử hoặc đồng hoặc dị, như duyên theo lông rùa sừng thỏ v.v... tướng phần và kiến phần đồng loại, do không phải tự thể, tướng phần lại giả, không phải chỉ huân tập thành chủng tử, như duyên theo năm căn, hữu vi thật thể. Tướng phần và kiến phần tức loại riêng sinh. Vì mười tám giới định dị nhân, nên không phải tướng tạp loạn. Nhưng tướng cùng với chất, một là đồng loại, một là khác loại, tuy có hai nghĩa, tướng phần và bản chất loại riêng, lý cũng sẽ tốt, vì thân, sơ duyên theo loại đều riêng. Như duyên theo Thức thứ tám tướng phần bản chất đồng loại, tức là thừa nhận một loại sinh ra lự phi lự, cũng có hai thân căn v.v... đều lỗi. Tướng và chất đã đồng loại sinh, lẽ đâu lại có hai thân căn. Nếu lúc Thức thứ sáu duyên thì tướng phần là giả, tức có một chủng sinh, đây là lỗi giả thật. Đây nói giả chẳng phải như cái bình v.v... vì hay huân tập, nhưng không phải dụng của căn không phát ra thức, gọi là giả, do tướng phần, bản chất này hoặc nói đồng, khác, nhưng đối với nghĩa này, thiết lập thêm một nhọc. Lại giải thích nếu tướng và chất đồng loại sinh, các căn như nhãn v.v... Thức thứ tám đã biến là nhân duyên, thật có dụng của căn. Nếu khởi tướng phần nhờ Thức thứ sáu sinh tuy cùng với bản chất đồng một loại sinh, vì kiến phần của Thức thứ sáu làm duyên khởi, phân biệt biến nhiếp nên không có thật dụng, chẳng phải không có tự thể giả nên không có giả thật đồng một lỗi.

Song loại đồng khác lại có tánh loại riêng và kiến phần đồng, hoặc lại tánh đồng mà trói buộc loại riêng, hoặc lại tánh của tướng phần, tùy theo kiến phần bản chất phán phân tánh bất định.

Hoặc tuy có bản chất, tướng phần, kiến phần đồng sinh, không sinh ra bản chất, vì do bất định này. Tam tạng pháp sư lấy làm một bài tụng, hiển bày sự sai biệt này nói rằng: “Tánh cảnh không tùy tâm, độc ảnh chỉ từ kiến, đối chất thông tình bản, tánh loại đồng tùy ứng”, giải thích văn tụng này, như Xu Yếu nói, do nghĩa ít khó nên càng rộng, trước xác định tánh cảnh sau hiển bày bất tùy. Thế nào gọi là tánh cảnh? Từ thật loại sinh có thật thể dụng, tâm của năng duyên đắc được tự tướng kia, gọi là tánh cảnh. Như thân ở cõi Dục, Thức thứ tám đã biến cảnh của năm trần, do thật loại sinh lại nhân duyên biến, gọi là tánh cảnh. Năm thức như nhãn v.v... và đủ cả Thức thứ sáu, lúc hiện lượng duyên, đắc được cảnh tự tướng, tức là kiến phán này cũng là tánh cảnh, tướng từ bản chất, pháp còn lại chuẩn theo mà biết. Như tướng phần này có bốn bất tùy.

1. Không tùy năng duyên, đồng với tánh của thiện, nhiễm.
2. Không nhất định từ năng duyên, đồng một cõi trời buộc.
3. Không tùy năng duyên, đồng một loại sinh.
4. Không tùy năng duyên là Dị thực v.v...

Trong đó tuy có cùng với năng duyên, tâm đồng dị, đồng tánh là cảnh tự tánh không do năng sức của tâm năng duyên, là tánh, giới v.v... này gọi là tánh cảnh không tùy tâm. Vả lại như năm thức thông với ba tánh, tướng phần, bản chất đều Vô ký. Không nói năm thức cũng thông với ba tánh, còn lại chuẩn theo đó mà biết. Tuy năm thức thân tánh Vô ký, duyên theo năm trần cảnh tánh nó tuy đồng, mà tướng phần kiến phần đều giữ gìn tự tánh không phải là tùy tâm năng duyên kia, nên mới thành tánh Vô ký, còn lại chuẩn theo mà biết. Nếu độc tán ý thức duyên theo tự giới năm trần v.v... chỉ là cảnh kia tự trụ tự tánh, chẳng phải được tự tánh, nhưng, tánh, loại v.v... cũng đồng với năm duyên.

Giải thích câu thứ hai, nghĩa là tâm năng duyên, chỉ một mình biến đổi tướng không phải riêng bản chất thứ hai, tuy có bản chất, nhưng tướng phần kia không sinh ra bản chất, vì bản chất kia không sinh ra pháp v.v... Những tướng phần này và Thức thứ sáu duyên theo Thức thứ tám, tương ứng năm tâm sở được hiện tướng phần; nhưng cùng với năng duyên đồng một loại sinh, gọi là Độc ảnh chỉ từ kiến phần. Như một mình ý thức duyên theo hoa đốm hư không kia và Vô vi v.v... đều cùng với kiến phần một loại khởi. Hoặc duyên Vô vi là câu thứ ba, hoặc là câu thứ tư, duyên theo Thức thứ tám, tương ứng năm tâm sở, hoặc câu thứ tư. Duyên theo hoa đốm hư không, đây đồng với ảnh tượng có bốn loại từ kiến phần, một từ kiến phần đồng là tự nhiễm, hai đồng một giới; ba đồng một loại, bốn đồng vị sinh, do không sinh ra bản chất, nhưng ý thức sở biến, tướng phần này do tâm năng biến, cho nên đồng giới tánh v.v... Nhiếp tướng phần từ kiến phần, gọi là độc ảnh chỉ từ kiến phần.

Hỏi: Như tướng phần của hoa đốm hư không là sắc của tâm, nếu là sắc vì sau được đồng tánh, nếu là tâm bản ý duyên theo sắc, vì sao biến đổi tướng phần của tâm duyên?

Đáp: Hư vọng kế là biến kế sắc, rộng như vậy duyên, tuy chẳng phải biến kế là loại kia, cũng được nó thâm nhiếp, vì kia đồng loại, nên đồng với thức tánh.

Lại biến kế gọi là nghĩa phân biệt, chẳng phải chỉ chấp tâm, không như vậy thì nhiếp pháp có lỗi không tận, như giống bệnh nóng phá hoại nhãn v.v... nên chẳng phải màu vàng thấy màu vàng, chẳng phải màu vàng thấy màu vàng là Thức thứ sáu, chẳng phải là tự tướng của nhãn

thức, đây tuy chẳng phải là tâm của pháp chấp, cũng được gọi là biến kế khởi sắc, nhưng đã huân tập chủng tử, tùy theo bản chất thâm nhiếp.

Hỏi: Như Hậu đắc trí duyên theo các Vô vi, tự nó cùng có hai tướng và duyên theo tướng của phàm phu sở duyên hoa đốm hư không, sừng thỏ v.v... làm sao pháp thâm nhiếp?

Đáp: Duyên theo Vô vi v.v... đã có tướng phần, pháp đồng phần thâm nhiếp, vì thế là giải pháp, pháp đồng phần rộng. Không đồng với Hữu lậu chẳng phải vọng duyên, hoặc duyên hoa đốm hư không v.v... cũng là biến kế được khởi sự sắc nhiếp, nói biến kế là phân biệt, hai giải thích tự chọn lấy.

Hỏi: Như thân ở cõi trên, do thiên nhãn cõi trên duyên theo sắc của cõi Dục, đây tướng phần của sắc, loại nào thâm nhiếp?

Đáp: Tuy chẳng phải độc ảnh, tướng phần cũng từ kiến phần, vì định sắc kia cũng không sinh ra ở dưới vì Địa trới buộc khác nhau, đây từ nơi kiến phần đồng một cõi trới buộc, chẳng phải đồng một loại. Nếu như vậy vì theo duyên theo cảnh của tự tướng chẳng?

Đáp: Thân gần nương tựa bản chất nên gọi là được tự tánh. Nếu như vậy Hậu đắc duyên với Vô vi v.v... tướng phần, kiến phần sẽ khác nhau?

Đáp: Tuy được tự tánh nhưng vốn không sinh. Tánh cảnh không tùy tâm, vì nhờ sắc sở biến của Thức thứ tám sắc làm bản chất, chỉ thành tựu chủng tử, vì tánh tự Vô ký không do tâm, lại đã thông với quả thật là cõi trên tự như cõi dưới, vì thiên nhãn thông với tác dụng thì thù thắng, cõi trên tự như cõi dưới, không đồng duyên theo cõi trên, phải dẫn dắt quả thân thông và định tướng đồng thì nó mới duyên. Lại hiểu rõ tướng phần lại sở khởi là nghiệp quả, tuy Thiên nhãn thông với nhãn thức nhưng sở khởi chẳng phải thông với quả sắc, vì duyên sắc nghiệp quả cõi Dục, nhưng do thông với tâm sở của quả tâm, biến khởi là thức kia duyên. Như nghiệp quả nhãn khởi nhãn thức mang theo định thông tướng phần của quả sắc, ngại gì thông quả tâm mang theo nghiệp quả sắc, hai giải thích trước thù thắng, nghĩa khó càng suy nghĩ.

Hỏi: Như hữu, Vô lậu cùng hồ tương duyên, tướng phần của bất tương ưng vì sao nhiếp?

Đáp: Cũng có hai giải thích: một là pháp đồng phần, hai là biến kế sắc, giải thích trước là chính.

Hỏi: Đã trong sắc lập ra biến kế trong các tâm vì sao không có?

Đáp: Sắc tự chẳng phải duyên lự, biến kế đồng với nó lập ra biến kế tâm pháp chỉ có năng duyên, biến kế chẳng phải duyên nên không

lập ra. Pháp bất tương ưng có thể thừa nhận lập ra. Nói hai mươi bốn tâm, vả lại tùy theo thù thắng mà lập, như các tâm sở, tùy theo thù thắng mà lập, lại tùy theo chỗ ứng, cũng thuộc về tâm của năng duyên kia.

Hỏi: Tán nhãn, nhĩ Địa trên duyên Địa dưới không, nếu không duyên Địa dưới vì sao lại nói trên thấy được dưới? Nếu duyên thì tướng phần nào thâm nhiếp? Tán thì không duyên Địa dưới vì rất xa, nói Địa trên thấy Địa dưới căn cứ theo thông quả. Lại giải thích tán nhãn thức, nhĩ thức cũng có thể duyên theo Địa dưới, như thấy được ba tai vạ của Địa dưới, sinh ra tướng khác v.v... giúp tự chất tha chất, hai giải thích không nhất định, trói buộc từ kiến phần Địa trên được thâm nhiếp, Vô lậu cõi khác không phải tùy theo tăng. Có thuyết nói cõi dưới trói buộc, thác xuống Địa dưới cùng huân thành Địa dưới, do chẳng phải lậu tự tánh nên không tăng theo, song khó suy nghĩ về nó.

Giải thích câu thứ ba, nghĩa là tâm năng duyên duyên theo cảnh sở duyên có được nhờ chất mà không được tự tánh, tướng phần này phán phân tánh không nhất định, hoặc từ tâm năng duyên, hoặc từ cảnh sở duyên, loại cũng không nhất định, hoặc chất đồng loại, hoặc kiến phần đồng loại, hoặc lại khác loại, gọi là đởi chất thông tình bản, như Thức thứ bảy duyên theo Thức thứ tám là nhiếp tánh hữu phú tướng phần từ kiến phần và tánh Vô phú từ chất.

Hỏi: Ảnh nương theo chất khởi, từ bản gọi là Vô phú ảnh nương theo chất sinh ra, từ chất gọi là Dị thực?

Đáp: Vô phú là tánh loại, ảnh và bản đều Vô phú, Dị thực căn cứ theo nghiệp mà đáp, ảnh tượng chẳng phải Dị thực.

Hỏi: Dị thực căn cứ theo nghiệp dẫn, ảnh tượng chẳng phải Dị thực, Vô phú là báo thể, ảnh tượng chẳng phải Vô phú?

Đáp: Tánh loại là rộng, bản, ảnh tượng đều Vô phú, Dị thực tánh hạn hẹp, chỉ có bản không thông với ảnh.

Hỏi: Năm thức duyên theo năm cảnh, tướng tức là không phải cả hai phát xét, Thức thứ bảy nhờ Thức thứ tám sinh, tướng không phải cả hai phán phân?

Đáp: Cảnh của năm duyên chỉ có cảnh tánh, chỉ là tánh cảnh không tùy tâm, cảnh của bảy duyên, cảnh thông với lự phi lự, đầy đủ hai nghĩa, nên tùy theo cả hai phán phân.

Hỏi: Năm nhân chỉ duyên theo sắc, chỉ là tánh cảnh, cảnh chẳng phải cả hai phán phân, hổ tương dụng đồng duyên theo sáu cảnh, tướng phần sẽ thông với tình, bản mà phán phân?

Đáp: Hổ dụng duyên tuy xứng hợp với cảnh tướng, đã thông với

nhiều pháp, tức là tùy ứng, chưa hề dụng chỉ duyên theo tự trần nên nói năm duyên với tánh cảnh. Nếu đọc đầu ý thức duyên theo cảnh rộng thông cũng là câu thứ tư.

Có thuyết nói: Trong đời chất thông với tình bản, như hiện tướng phần lia đời chất lia kiến phần, tức là pháp đồng phần nhiếp.

Hỏi: Nếu như vậy đồng phần sẽ thông với thật hữu?

Đáp: Thừa nhận cũng không lỗi, như gọi sắc chi chỉ có chủng Vô ký, không ngăn ngại Thức thứ bảy cũng ở nơi tên gọi thâm nhiếp. Lại giải thích không như vậy, Thức thứ bảy ở nơi tên gọi sắc, căn cứ theo hiện hành giả chẳng phải chi, đồng phần bất tương ứng chỉ là giả không thông với thật. Nếu do hiện tướng không phải năng duyên, chẳng phải tâm chẳng phải sắc pháp đồng phần, tất cả tướng phần không phải năng duyên, chủng tử v.v... lẽ ra pháp đồng phần, kia đã không như vậy, đây vì sao như vậy? Nên không thể nói lia kiến phần, đời chất, pháp pháp phân nhất định tùy theo một, chẳng phải pháp đồng phần. Giải thích này là chính, nên pháp phân Thức thứ bảy tướng phần lia kiến phần, đời chất, pháp đồng phần thâm nhiếp, đây chẳng phải chính. Nay lại giải thích nói đời chất thông với tình bản, như Hữu lậu Vô lậu, hồ tương duyên tướng, như Thức thứ bảy duyên theo Thức thứ tám, tướng phần của Vô lậu từ biến phần là thiện Vô lậu từ đời chất tức là Vô ký, còn lại chuẩn theo đây mà biết. Nên nói rằng đời chất thông với tình bản, lại lập ra có bản chất, tướng phần cùng với kiến phần hoặc tùy bất định, vì Vô vi, lậu Vô lậu, chuẩn theo nghĩa suy nghĩ nó. Nếu nương theo Bản sở giải thích, lậu Vô lậu v.v... lúc hồ tương duyên, tức là câu thứ tư.

Tánh loại đều tùy ứng là giải thích chung ba câu trước, nghĩa là trong ba câu trước, tùy theo chỗ ứng pháp phân tánh, loại v.v... không thể là một ví dụ. Có tánh, giới tùy tâm loại không theo, có tánh loại theo tâm, giới không tùy, có giới theo tâm loại không theo, có tánh loại theo tâm giới không theo, có giới loại theo tâm, tánh không theo, có ba loại đều theo, có cả ba không theo. Vả lại như Thức thứ tám duyên theo thiên nhãn, nhĩ, tánh theo loại, giới đều không theo.

Hỏi: Thức thứ năm, thứ sáu Vô ký duyên theo năm trần cảnh, lúc được tự tại tánh không theo tâm, vì sao Thức thứ tám tánh theo tâm?

Đáp: Thức thứ tám vốn còn ngọn, lại thức thứ năm, thứ sáu thể thông với ba tánh, nhân vị của tám thức chỉ là Vô ký, như nhân Thức thứ bảy duyên thứ tám tánh đồng bất đồng, thông với tình bản, giới đồng loại không đồng, như loại này v.v... suy nghĩ nó có thể biết. Lại Thức thứ bảy duyên theo Thức thứ tám do tướng phần từ bản chất là Vô phú,

không được từ tâm là Dị thực, nên nói rằng tùy ứng. Lại làm bốn câu sai biệt, cảnh của hữu tình không theo tâm, độc ảnh cảnh chỉ từ kiến phần, nghĩa là Thức thứ sáu phân tán ý và năm loại đồng duyên, tức là đối với lúc này duyên theo sừng thỏ v.v... và Thức thứ tám tâm vương, tánh cảnh không theo tâm, độc ảnh của tâm sở chỉ từ kiến phần tướng phần là giả không có loại riêng.

Hỏi: Như Thức thứ sáu duyên theo Thức thứ tám, tướng phần của tâm sở không duyên theo kiến phần kia, đây đã mang theo tướng phần là đồng khác ư?

Đáp: Theo tâm năng duyên đồng một loại khởi.

Hỏi: Duyên theo kiến phần tướng phần kia, tức thừa nhận khác loại với kiến phần của Thức thứ sáu, nó duyên tướng kia làm sao gọi là đồng loại?

Đáp: Do tướng phần giả từ năng duyên khởi, và kiến phần đồng loại, có tánh cảnh không theo tâm, đối chất thông với tình bản, nghĩa là phân tán ý thức và năm thức đồng duyên, tức là đối với lúc này đều duyên theo Thức thứ tám v.v..., có tánh cảnh không theo tâm, độc ảnh chỉ từ kiến phần và thông với tình bản, nghĩa là phân tán ý thức liên duyên theo mười tám giới, mong với năm thức đồng duyên theo năm trần gọi là tánh cảnh không theo tâm. Duyên theo tâm giới của Thức thứ bảy tức là thông với tình bản, mong bất tương ứng v.v... tức là chỉ từ kiến phần.

Hỏi: Sao được duyên như tướng phần v.v... tức là chỉ từ kiến phần?

Đáp: Hoặc thông với tình bản, từ bản chất gọi là Vô vi, từ kiến phần gọi là Hữu vi, do thừa nhận Vô vi nương theo thức giả lập, hoặc đứng về tánh theo cảnh, theo tâm. Hữu lậu duyên Chân như cũng có thể chuẩn theo đây. Nếu đứng về loại mà nói tức là chỉ từ kiến phần, hoặc câu thứ tư. Vô phân biệt trí lúc duyên với Chân như thì tánh cảnh không theo, chất thiện Vô vi, trí thiện Hữu vi, kiến phần chỉ thành tựu chủng tử, không phải tướng phần có thể huân tập được tánh cảnh nên gọi là không theo tâm.

Hỏi: Sơ thiên nhãn thức v.v... nương theo thượng căn kia, duyên theo địa sắc kia, tướng phần là như thế nào?

Đáp: Có hai giải thích, như giải thích trước Địa trên duyên theo Địa dưới. Một là nói rằng Địa trên trói buộc nương theo sắc kia nên có tùy tăng, không phải là tùy tăng vì chẳng phải tánh của lậu, khởi nhiễm như thế nào? Nếu sinh về Địa trên đã lia được nhiễm của Địa dưới, nếu

ở Địa dưới duyên theo sắc của Địa trên v.v... Nhãn, nhĩ thông quả cũng hàng phục được nhiệm. Câu sinh có thể hàng phục được kiến hoặc như thế nào? Nếu đầu không hàng phục khởi thoát chuyển định, một là theo tâm Địa dưới trói buộc vì hay huân tập tâm là Địa dưới? Vì sao duyên theo Địa trên biến đổi tướng phần của Địa dưới? Lại sẽ không được tự tánh kia do định đồng dẫn tự động duyên theo Địa trên nên được tự tánh, cả hai giải thích đều vặn hỏi và giải thích.

Hỏi: Đã ở Địa dưới thức vì sao Địa trên duyên?

Đáp: Hoặc do định khác thông với sức dẫn.

Hỏi: Phạm thiên đến Địa dưới thì việc đó như thế nào?

Giải thích rằng: Vì sắc của cõi dưới thô không làm chỗ gá nương của cõi trên, tự biến làm Địa trên tự thân nương theo nó, tức là khí của Địa trên làm tăng thượng duyên.

Hỏi: Đã đến cõi dưới đâu không duyên theo Địa dưới. Như Mã Thắng đến Địa trên thừa nhận duyên theo Địa trên?

Đáp: Cũng duyên theo Địa dưới.

Hỏi: Đã như vậy tướng phần làm sao thu nhiếp?

Đáp: Cõi trên nhiếp, do cõi Dục không thông với quả sắc, chuẩn theo luận Tát-bà-đa tức là cõi Dục nhiếp có thông quả.

Hỏi: Cõi dưới duyên theo thân khí của cõi trên kia là vì sao cùng thân nhiếp?

Đáp: Tánh cảnh không theo tâm, do kia được dẫn khởi định thông quả sắc làm tướng phần thuộc về bản chất kia. Tánh giới và chủng tử không theo tâm.

Hỏi: Thức thứ tám có thể như vậy đã thừa nhận nhãn v.v... cũng duyên theo Địa trên, tướng phần duyên theo Địa trên đâu chẳng phải Hữu lậu, cõi khác tùy tăng?

Đáp: Sắc tướng không phải tự tánh của lậu, hoặc đứng về nghiệp lực thì cõi khác không tăng, định và thần thông dẫn hỗ tương tăng không chướng ngại. Lại giải thích chỉ do cõi trên dẫn quả thân thông của Thức thứ tám, nhãn v.v... giúp nó được khởi tướng phần tự làm nên nghiệp quả, thuộc về cõi dưới không phải lỗi tùy tăng, như sức thần thông biến thành cá, gạo v.v... dẫn sắc trong quả thân thông của Thức thứ sáu là chất của Thức thứ tám, hoặc tuy giúp Thức thứ tám khác làm chất tức là sắc của nghiệp quả cõi Dục trói buộc.

Quyển 4 ghi: “Ba loại hương, vị, xúc làm đoạn thực chỉ cõi Dục trói buộc”. Hai giải thích thiên về tình, đạo lý cũng khó, nên có thể suy nghĩ lựa chọn.

Hỏi: Cõi dưới Thức thứ tám duyên theo sắc của định, thần thông, đồng thời tướng phần của tâm sở như thế nào?

Đáp: Là tùy năng duyên tâm sở nghiệp quả, đồng loại, đồng cõi dưới trời buộc, vì thể không khác

Hỏi: Độc đầu tán ý duyên cảnh quá khứ, đối với năm căn tướng phần thế nào?

Đáp: Là tùy theo chỗ ứng, chuẩn theo nghĩa giải thích trước.

Trong phần giải thích độc ảnh chỉ từ kiến phần, Tây Minh nói duyên theo cực vi, hoa đốm hư không v.v... được có tướng phần đều huân tập thành chủng tử.

Hỏi: Đã từ loại khởi, vì sao cực vi v.v... nói nó là giả.

Giải thích rằng: do không sinh bản chất nên nói là giả, căn cứ theo có chủng tử sinh tướng phần thành thật. Nay vặn hỏi nếu nói rằng không sinh ra bản chất, tức là giả, Dị thực tâm, tâm pháp v.v... lẽ ra giả chẳng phải thật, vì mỗi mỗi không thể huân tập thành chủng tử. Nếu nói rằng nó do duyên lực v.v... cho nên thật chẳng phải giả, tức là không do thành tựu chủng tử, sinh ra bản chất, không sinh gọi là giả thật. Lại năm thức Dị thực tâm duyên theo tướng của năm cảnh, một là chẳng phải duyên lực, hai là không phải năng duyên, nên giả chẳng phải thật. Đây đã chẳng phải giả, kia nói thế làm sao đúng được? Nếu chỉ do tướng phần không phải dụng chất ngại gọi là giả, tức là trong pháp xứ tự tại sinh sắc, luận về vô ngại, nên giả chẳng phải thật. Nếu thừa nhận như vậy, từ Địa thứ tám trở lên, tự tại sở biến vàng, bạc, sữa v.v... sẽ chẳng thật có. Lại nữa, vả lại như trong sắc v.v... hoặc chất tướng có giả có thật mà sắc tụ nhiếp, như Vô vi duyên theo tướng phần vì sao nhiếp? Nếu Vô vi nhiếp hiện hành có sinh diệt, nếu nói sắc pháp hiện hành duyên theo Vô vi, vì sao gọi là sắc? Nếu nói tâm pháp là vặn hỏi cũng như vậy, nếu nói đồng phần đâu có đồng phần, từ chủng tử sinh ư? Lại nếu cực vi chỉ huân tập chủng tử khởi, lại có năm lỗi, ba lỗi như trước, chỉ thuần đứng riêng về chủng tử mà nói, thứ tư là lỗi không như lý tư duy.

Quyển 54 ghi: “Do năm tướng mà biết, gọi là không như lý tư duy cực vi”, nghĩa là ở trong sắc tụ, có các cực vi tự tánh mà trụ, nên biết tên gọi đầu tiên là không như lý tư duy, đã từ chủng tử sinh, tức là tự tướng mà trụ, thứ năm là lỗi trái với chánh lý. Luận nói: “Do giả tướng tuệ, ở nơi sắc tướng thô dần dần lần lượt trừ dẹp, cho đến không thể trừ dẹp, giả nói cực vi, vốn không phải vi chất, chỉ do giả tướng lập làm cực vi”, tức là huân tập thành chủng tử, có sắc của cực vi, nên thật không phải ngã vọng chấp khắp hư không, tướng huân tạp thành chủng tử, sinh

ra tướng khắp hư không gọi là biến mãn ngã, thừa nhận tức là trái với giáo, có biến mãn ngã không thừa nhận trái lý, đều tâm giả tướng, vì sao không thành chủng tử? Yếu Tập lại ghi: “Tập Tập đã nói mười tám giới chủng tử mỗi mỗi không đồng, nhất định không phải ý thức, không từ hai duyên duyên theo Vô vi, ảnh tợ như Vô vi”. Trong luận Bách Pháp, Vô vi được nhiếp giới khác duyên, Vô lậu duyên, trong Địa khác không trói buộc mà không lìa được sắc v.v... duyên theo tất cả vô pháp, định ất sẽ có chỗ không. Không lìa được sắc v.v... nên cũng nói kiến phần tướng phần, nhất định không đồng thể, mạnh mẽ phân biệt tâm được duyên với vô v.v... đã hiện hành tướng phần đầy đủ nghĩa của bốn duyên, cho nên hay huân tập, đã được tự huân tập, vì sao dùng chủng tử của kiến phần? Nên theo Tây Minh không theo luận Xu Yếu, đây đều là lỗi, chuẩn theo trước nên biết, sợ dài dòng nên không kể ra. Lại nói: Nhưng tướng sở biến hay huân tập, không huân tập đều có ba giải thích, hai giải thích đầu không đúng, luận Tập Yếu tự đoạn.

Thứ nhất giải thích rằng: duyên theo sừng thỏ v.v... độc ảnh từ kiến phần, nhưng Dị thực Vô ký yếu kém không thể huân tập, thù thắng là hay huân tập, lệ thuộc vào Viên cảnh, Thành sự, do Quán sát, Bình đẳng giúp nhân Thức thứ tám; năm thức duyên theo thân độ khác và Phật nói duyên cũng được thành tựu chủng tử.

Thứ hai nói duyên theo vô, thuần là ảnh từ kiến phần, như Xu Yếu giải thích.

Thứ ba giải thích rằng: Có chất không chất, giới khác, Hữu lậu, Vô lậu, Vô vi vô pháp, được hiện tướng phần, trừ Vô ký yếu kém, còn lại tất cả pháp đầy đủ bốn nghĩa, đều hay huân tập. Nói rằng đây nói thù thắng không trái với giáo, lý thông khắp. Hai thuyết trước có lỗi sức không huân tập. Nay cho rằng phán phân đây không ứng hợp với chánh lý, nếu tướng phần đã trừ Vô ký yếu kém, đều chỉ huân tập chủng tử, như duyên theo giả pháp bất tương ứng v.v... đã có tướng phần hay huân tập thành chủng tử, chủng tử pháp nào thâm nhiếp? Nếu bất tương ứng nhiếp, tức là đều có tự thể, chẳng phải ba phần vị từ chủng tử sinh. Nếu chẳng phải đây nhiếp, lại ở đâu thâm nhiếp? Thành nghĩa của chủng tử hợp nhau. Tướng riêng thành chủng tử là giới nào nhiếp? Nếu giới khác nhiếp, không phải Địa khác, tâm huân tập thành chủng tử của giới khác, không ứng hợp với chánh lý. Nếu tự giới nhiếp, duyên theo căn tâm khác, thành chủng tử nào nhiếp? Nếu căn tâm nhiếp, không ứng hợp với chánh lý. Vì sao sinh ra tâm sẽ vị căn khởi phát thức, nếu không thể như vậy gọi là căn tâm, nếu ở chỗ còn lại nhiếp cũng nhiều lỗi, lại lỗi

như trước, sợ dài dòng nên không nêu.

Tây Minh nói: Ba phần này, hai phần do giải thích biến mà nói, tự có ba thuyết.

1. Nói rằng ban đầu ba phần An Tuệ cùng với tám Luận sư giải thích, trừ Thân Thắng, Hỏa Biện. Thế Thân đồng thời chỉ lập ra hai phần.

2. Nói rằng ba phần trừ giải thích của An Tuệ, biến tự hai là y tha, còn lại như trước nói.

3. Nói rằng hai phần các Luận sư cùng giải thích, chỉ trừ An Tuệ, ba phần lại trừ Hỏa Biện, Thân Thắng, ý của Tam Tạng còn giải thích sau.

Giải thích này không như vậy, nếu do giải thích sau là chính, ba phần chẳng phải văn của An Tuệ, hai phần cũng không phải An Tuệ, đâu thừa nhận An Tuệ không giải thích bài tụng này! Lại chuẩn theo Bản số, hai phần chính là văn của ngài Nan-đà v.v... này nói rằng hai phần các Luận sư đồng giải thích, chỉ trừ An Tuệ. Ba phần lại trừ Hỏa Biện, Thân Thắng, đâu có thể ngài Nan-đà cũng lập ra ba phần? Căn Bản số chú gần gũi nương theo ngài Tam Tạng, người phiên dịch lẫn lộn, đâu có thể không biết vọng làm ra đoạn này, nên nhận lấy Bản số khoa phán phân là chính, còn lại nhất định vọng truyền, chẳng phải ngài Tam Tạng giải thích.

Luận: Như lo lắng, nằm mộng v.v... Tây Minh giải thích: Đối với kinh bộ, luận Tát-bà-đa, luận Tát-bà-đa cảnh mộng tuy là thật mà chẳng phải cha mẹ chấp làm cha mẹ, nên được thành tựu du. Luận Yếu Tập cứu đoạn được đây cũng là chính, nay cho rằng không như vậy, Chánh Lý quyển 50 ghi: “Mộng duyên theo quá khứ, sẽ được duyên pháp mà có trong mộng thấy sừng thỏ, nên đối với chỗ khác thấy thỏ thấy sừng, nay ở trong mộng, do tâm hôn mê điên đảo”, nghĩa là ở một chỗ hóa hợp khiến cho nhớ lại, hoặc trong biển lớn có hình loại thú này, sẽ thấy nghe nay mộng khiến cho nhớ lại. Luận Bà-sa quyển 37 rất đồng với luận Chánh Lý, đã có cha mẹ mộng thấy cha mẹ, vì sao không thừa nhận duyên theo thật cha mẹ, không được dẫn luận Trí-độ. Ngoại đạo nói rằng thật có đầu người, còn lại thật có giáo chống chế, họ tự phá rằng: “Tuy thật có người thật có sừng, nhưng đầu người sinh ra sừng là vọng”. Lại ngoại đạo chống chế: “Thế giới rộng lớn, hoặc có nước người có sừng v.v...” cũng phá rằng, nếu còn lại nước người có sừng có thể như vậy, nhưng mộng thấy đây, nước được biết người có sừng thì không thể được phá, vì sao? Đại thừa thừa nhận mộng duyên theo hư

vọng, lập ra phá này khác, chẳng phải người bên ngoài khác thừa nhận duyên theo vọng pháp. Nay luận Tát-bà-đa tự thừa nhận duyên thật. Vì sao được lấy nghĩa của Đại thừa hiển bày thành tông khác, cũng thừa nhận duyên theo vọng? Phá kia có thể như vậy, lập ra kia không thành tự, nên như Bản sở, trừ Hữu bộ, chỉ đối Kinh bộ.

Luận rằng: Sức ngã pháp phân biệt huân tập dẫn đến biến tự như ngã pháp.

Hỏi: Thức thứ sáu, thứ bảy lúc sau thức sinh có ngã pháp. Thức thứ năm, thứ tám không phân biệt, lúc sau thức sinh không phải ngã pháp?

Đáp: Nay căn cứ theo phân biệt giải thích, ngã pháp thức thứ năm, thứ tám có thể được không, do nhiễm khác huân tập thành, thức sinh tự như ngã pháp.

Hỏi: Chấp tâm có phân biệt, do nó nên có tự như ngã pháp, không chấp không phân biệt, chẳng phải tất cả thời tự như ngã pháp?

Đáp: Địa thượng Bồ-tát chỉ làm ra sinh quán, bảy pháp chấp hành, nên lúc tâm khởi thường có ngã pháp.

Hỏi: Địa vị của Hữu lậu có chấp, địa vị lậu tự như ngã pháp, địa vị Vô lậu không chấp, khởi không tự như ngã pháp?

Đáp: Trước nương theo chấp mà nói, phân biệt huân tập, sau tự như hai sinh chấp ngã pháp, nhưng theo giả mà nói.

Hỏi: Địa vị chấp phân biệt có tự như hai sinh, Vô lậu không chấp nên không phải tướng phần, kiến phần?

Đáp: Tâm hai duyên khởi nên có tướng phần kiến phần, không do nơi chấp mới kiến phần tướng phần sinh.

Luận: Cảnh y bên trong thức chỉ thế tục, thức là giả cảnh y cũng là thắng nghĩa. Có bốn cách giải thích:

1. Hữu vô đối biến kế hư vọng, chỉ thế tục có y tha là duyên sinh, cảnh y cũng thắng nghĩa.

2. Tướng phần kiến phần đối, tướng phần là giả nương theo kiến phần khởi, giả cảnh nương theo thức, chỉ thế tục có kiến phần là thật hay khởi tướng phần, là giả cảnh y thắng nghĩa có.

3. Hư kém đối, thế gian thế tục chỉ thế tục có, ba hình sau trước cũng có thắng nghĩa.

4. Phàm thánh đối, cảnh phàm chỉ có thế tục, cảnh thánh cũng có thắng nghĩa. Tuy có bốn giải thích, trong đây ý văn chỉ nương theo cực đầu.

Hỏi: Nương theo phàm thánh duyên, biến kế cũng sẽ gọi là Thắng

nghĩa đế?

Đáp: Thừa nhận cũng không lỗi, quyển 8 ở sau nói cũng có thể nói trí cảnh của phàm thánh đã làm duyên của Tthánh cũng gọi là Thắng nghĩa, nhưng không gọi là hữu. Nay nương theo Hữu đế Vô đế nhiếp nên như vậy.

